

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 37

23
CÔ
CH
KIẾ
T

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai được thành lập theo:

- Quyết định ngày 12 tháng 05 năm 2005 của Chủ tịch UBND Tỉnh Đồng Nai phê duyệt phương án và chuyển Công ty khai thác cát Đồng Nai thành công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000281 ngày 29 tháng 09 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 19 tháng 03 năm 2008.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 88,34 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 gồm:

- Xí nghiệp Bê tông Đồng Nai bao gồm hai trạm trộn bê tông:
 - Bê tông An Bình: Khu phố 10, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
 - Bê tông Hồ Nai: Lô E, F cụm Khu công nghiệp Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
- Nhà máy gạch Tuynel: Xã Phước Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Xí nghiệp đá Tân Cang 5: Ấp Tân Cang, Xã Phước Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Xí nghiệp đá Thiện Tân 5: Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Hữu Thực	Chủ tịch
Ông Trương Cường	Phó Chủ tịch
Ông Trương Minh Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Phòng	Thành viên
Bà Lê Thị Bích Thủy	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Hồ Thị Minh Tâm	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Hữu Thục	Tổng Giám đốc
Ông Trương Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Phòng	Phó Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Biên Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HỮU THỰC

Số: 16.119/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 01 năm 2016 từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG XUÂN CẢNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0067-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN



HUỲNH THỊ NGỌC TRINH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2124-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		52.441.089.215	52.273.089.209
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	13.434.948.803	6.518.667.645
1. Tiền	111		6.434.948.803	6.518.667.645
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.352.285.473	38.830.467.460
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.2)	40.953.307.036	40.252.107.897
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	(5.3)	2.693.961.571	1.203.234.401
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.4)	635.456.974	1.907.561.082
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(5.5)	(10.930.440.108)	(4.532.435.920)
IV. Hàng tồn kho	140		5.276.004.517	6.587.350.665
1. Hàng tồn kho	141	(5.6)	5.276.004.517	6.587.350.665
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		377.850.422	336.603.439
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		334.653.180	336.603.439
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	(5.14)	3.458.620	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(5.14)	39.738.622	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		113.797.861.151	98.232.142.455
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.241.169.800	2.005.542.241
1. Phải thu dài hạn khác	216	(5.4)	3.241.169.800	2.005.542.241
II. Tài sản cố định	220		22.623.612.070	24.239.408.590
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.7)	22.623.612.070	24.239.408.590
+ Nguyên giá	222		64.284.998.895	66.978.931.315
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.661.386.825)	(42.739.522.725)
2. Tài sản cố định vô hình	227			
+ Nguyên giá	228		279.296.027	279.296.027
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(279.296.027)	(279.296.027)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		23.516.276.423	12.373.767.284
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	(5.8)	23.516.276.423	12.373.767.284
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.399.180.000	5.399.180.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	(5.10)	5.399.180.000	5.399.180.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		59.017.622.858	54.214.244.340
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.11)	59.017.622.858	54.214.244.340
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		166.238.950.366	150.505.231.664

(Phần tiếp theo ở trang 7)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		59.619.766.452	45.317.049.152
I. Nợ ngắn hạn	310		49.198.682.492	34.730.365.152
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.12)	20.239.176.548	21.941.707.996
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.897.863.228	3.012.480.933
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.14)	274.467.950	958.792.968
4. Phải trả người lao động	314		2.755.751.489	2.661.916.076
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		122.074.700	461.376.179
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.15)	13.384.427.978	1.462.535.437
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.13)	5.450.000.000	4.184.471.374
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		74.920.599	47.084.189
II. Nợ dài hạn	330		10.421.083.960	10.586.684.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(5.13)	10.421.083.960	10.586.684.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		106.619.183.914	105.188.182.512
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.16.1)	106.619.183.914	105.188.182.512
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.16.2)	88.340.000.000	88.340.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		88.340.000.000	88.340.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	(5.16.5)	14.381.542.201	14.259.004.846
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.897.641.713	2.589.177.666
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		13.065.601	138.430.566
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.884.576.112	2.450.747.100
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		166.238.950.366	150.505.231.664

Đồng Nai, ngày 18 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






NGUYỄN TÚ LOAN

TRẦN THỊ QUY

NGUYỄN HỮU THỰC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		206.794.174.182	135.495.310.364
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			297.024.293
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	206.794.174.182	135.198.286.071
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	186.432.316.500	123.129.517.358
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.361.857.682	12.068.768.713
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		933.194.466	638.966.980
7. Chi phí tài chính	22		603.050.428	311.129.815
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>603.050.428</i>	<i>311.129.815</i>
8. Chi phí bán hàng	24	(6.3)	2.351.361.625	2.433.183.843
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.4)	12.822.807.269	6.710.430.627
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.517.832.826	3.252.991.408
11. Thu nhập khác	31		330.538.975	398.820.278
12. Chi phí khác	32		971.661.516	567.007.710
13. Lợi nhuận khác	40		(641.122.541)	(168.187.432)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.876.710.285	3.084.803.976
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.6)	992.134.173	634.056.876
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.884.576.112	2.450.747.100
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	(5.16.4)	396	250
19. Lãi suy giảm trên cổ phần	71	(5.16.4)	396	250

Đồng Nai, ngày 18 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






NGUYỄN TÚ LOAN

TRẦN THỊ QUY

NGUYỄN HỮU THỰC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.876.710.285	3.084.803.976
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		3.344.538.467	1.775.691.944
Các khoản dự phòng	03		6.398.004.188	2.191.925.939
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.521.186.256)	(402.094.252)
Chi phí lãi vay	06		603.050.428	311.129.815
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		13.701.117.112	6.961.457.422
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.365.926.325)	2.414.177.301
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.311.346.148	2.478.774.052
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.454.087.723	6.157.048.146
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.409.820.030	4.260.223.946
Tiền lãi vay đã trả	14		(603.050.428)	(1.372.234.863)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.286.563.119)	(513.761.120)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(217.238.300)	(1.995.342.845)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.403.592.841	18.390.342.039
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.244.561.451)	(18.586.234.736)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.016.363.636	72.727.272
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			1.778.100.200
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		849.457.546	329.366.980
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.378.740.269)	(16.406.040.284)

(Phần tiếp theo ở trang 10)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		7.498.487.385	11.732.461.673
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.398.558.799)	(12.018.581.498)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.208.500.000)	(1.325.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.108.571.414)	(1.611.219.825)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		6.916.281.158	373.081.930
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.518.667.645	6.145.585.715
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	(5.1)	13.434.948.803	6.518.667.645

Đồng Nai, ngày 18 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN TÚ LOAN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN THỊ QUY

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HỮU THỰC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo:

- Quyết định ngày 12 tháng 05 năm 2005 của Chủ tịch UBND Tỉnh Đồng Nai phê duyệt phương án và chuyển Công ty khai thác cát Đồng Nai thành công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000281 ngày 29 tháng 09 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 19 tháng 03 năm 2008.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 là 88,3 tỷ đồng, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Cuối năm		Đầu năm	
		Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp	Việt Nam	46.193.400.000	52%	46.193.400.000	52%
Công ty CP Chứng khoán Đại Việt	Việt Nam	10.000.000.000	11%	10.000.000.000	11%
Các đối tượng khác	Việt Nam	32.146.600.000	36%	32.146.600.000	36%
Cộng		88.340.000.000	100%	88.340.000.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2015 gồm:

- Xí nghiệp Bê tông Đồng Nai bao gồm hai trạm trộn bê tông:
 - + Bê tông An Bình: Khu phố 10, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
 - + Bê tông Hố Nai: Lô E, F cụm Khu công nghiệp Hố Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
- Nhà máy gạch Tuyne: Xã Phước Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Xí nghiệp đá Tân Cang 5: Ấp Tân Cang, Xã Phước Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Xí nghiệp đá Thiện Tân 5: Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 164 (31/12/2014: 161).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác, chế biến, mua bán cát, đất, đá các loại. Sản xuất bê tông thương phẩm, xi măng (liên doanh), gạch ngói các loại. Mua bán, xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng.
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Dịch vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm chất lượng vật liệu xây dựng
- Đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư, trung tâm thương mại, nhà hàng, cao ốc, văn phòng cho thuê.
- San lấp mặt bằng. Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.
- Đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện. Thi công, lắp đặt công trình điện đến 220KV.
- Mua bán, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị công nghiệp và nông nghiệp.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.3 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ.

4.2. Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.28.

4.3. Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, ngoại trừ những thay đổi do áp dụng hướng dẫn kế toán mới như được nêu tại mục 4.3.

4.4. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.5. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.7. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.8. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, các chi phí ở xí nghiệp. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05– 20 năm
+ Máy móc thiết bị	03– 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	04– 15 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 08 năm
+ Tài sản khác	05 – 30 năm

4.11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

4.12. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.13. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.14. Đầu tư tài chính

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.15. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.16. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.17. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tất toán trong năm 2012.

4.18. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập quy định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.19. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

4.20. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

4.21. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.22. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

4.23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

4.24. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.25. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- | | |
|------------------------------|-----|
| ▪ Vật liệu xây dựng, Bê tông | 10% |
| ▪ Kinh doanh nhà | 10% |
| ▪ Các dịch vụ khác | 10% |

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.26. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

4.27. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

	VND	
	Đầu năm	Đầu năm
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	1.907.561.082	105.439.467
Tài sản ngắn hạn khác	-	1.802.121.615
Phải thu ngắn hạn khác	2.005.542.241	-
Tài sản ngắn hạn khác	-	2.005.542.241

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Tên chỉ tiêu	TT200	CMKT & Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Tạm ứng cho nhân viên	Phải thu ngắn hạn khác	Tài sản ngắn hạn khác
Kỹ quỹ, ký cược ngắn hạn	Phải thu ngắn hạn khác	Tài sản ngắn hạn khác
Kỹ quỹ, ký cược dài hạn	Phải thu dài hạn khác	Tài sản dài hạn khác

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	414.687.375	664.743.302
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.020.261.428	5.853.924.343
Các khoản tương đương tiền	7.000.000.000	-
Cộng	<u>13.434.948.803</u>	<u>6.518.667.645</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.2. Phải thu của khách hàng

	Cuối năm	VND Đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn:		
Công ty CP Năng Lượng Mai Linh	16.068.397.014	16.068.397.014
Công ty CP Xây dựng & Sản xuất Vật liệu Xây dựng	1.777.476.140	-
Công ty CP Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Số 1	1.851.181.501	677.585.001
Công ty CP TV XD SX Đông Thịnh	1.785.668.500	-
Khác	19.470.583.881	23.506.125.882
Cộng	<u>40.953.307.036</u>	<u>40.252.107.897</u>

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan – xem thêm mục 7

Công ty CP Sonadezi An Bình	-	282.760.000
Công ty CP Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Số 1	1.851.181.501	677.585.001
Cộng	<u>1.851.181.501</u>	<u>960.345.001</u>

5.3. Trả trước cho người bán

	Cuối năm	VND Đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn:		
Phân Viện Máy và Dụng Cụ Công Nghiệp	1.919.199.920	-
Công ty TNHH MTV Xây Dựng Sáng Tạo Trẻ	387.204.000	-
Công ty CP Thiết Bị Thủy Lợi	-	787.560.000
Khác	387.557.651	415.674.401
Cộng	<u>2.693.961.571</u>	<u>1.203.234.401</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.4. Phải thu khác

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu người lao động	540.991.507	-	620.317.885	-
Ký cược, ký quỹ	1.000.000	-	1.181.803.730	-
Phải thu khác	93.465.467	-	105.439.467	-
Cộng	<u>635.456.974</u>	<u>-</u>	<u>1.907.561.082</u>	<u>-</u>
Dài hạn:				
Ký quỹ phục hồi môi trường mỏ đá Tân Cang 5	2.481.464.800	-	1.861.097.100	-
Ký quỹ phục hồi môi trường mỏ đá Thiện Tân	759.705.000	-	144.445.141	-
Cộng	<u>3.241.169.800</u>	<u>-</u>	<u>2.005.542.241</u>	<u>-</u>

5.5. Nợ xấu

	Triệu đồng			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	19.333	8.403	19.363	14.967

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Cuối năm			Đầu năm			VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	
Văn phòng công ty							
Công ty CP năng lượng Mai Linh	16.068.397.014	8.034.198.507	Từ 1-2 năm	16.068.397.014	13.917.582.594	Từ 1-2 năm	
Công ty TNHH MTV Thảo Quyên Phát	758.156.708	227.447.012	Từ 2-3 năm	758.156.708	758.156.708	Từ 2-3 năm	
Các đối tượng khác	367.059.240	-	Trên 3 năm	367.059.240	29.287.498	Trên 3 năm	
Xí nghiệp Gạch và Ngói							
Các đối tượng khác	198.659.951	99.329.975	Từ 2-3 năm	198.659.951	188.829.576	Từ 2-3 năm	
Xí nghiệp bê tông							
Công ty TNHH XD TM Tân Đức	448.375.000	-	Trên 3 năm	450.375.000	-	Trên 3 năm	
Công ty TNHH Hải Vinh	356.695.051	-	Trên 3 năm	356.695.051	-	Trên 3 năm	
Công ty TNHH XDDVTM Trán Long	306.200.500	-	Trên 3 năm	306.200.500	-	Trên 3 năm	
Các đối tượng khác	829.787.138	41.915.000		857.358.832	73.170.000		
Cộng	19.333.330.602	8.402.890.494		19.362.902.296	14.967.026.376		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.6. Hàng tồn kho

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.355.868.665	-	2.359.478.826	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	274.282.200	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.421.662.042	-	2.416.082.992	-
Thành phẩm	498.473.810	-	1.537.506.647	-
Cộng	<u>5.276.004.517</u>		<u>6.587.350.665</u>	

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chung cư cao tầng tại 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	945.711.936	945.711.936
Cụm Công nghiệp Long Phước	720.212.631	720.212.631
Công trình Trạm bơm tăng áp Sông Đà	513.317.826	513.317.826
Chi phí SXKD dở dang NM SX gạch	242.419.649	236.840.599
Tổng cộng	<u>2.421.662.042</u>	<u>2.416.082.992</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	17.209.171.678	21.569.109.337	19.585.979.969	1.958.912.157	6.655.758.174	66.978.931.315
Mua trong năm	-	778.000.000	960.627.273	48.729.600	-	1.787.356.873
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	382.000.000	286.020.000	-	668.020.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.731.844.333)	(382.000.000)	-	(35.464.960)	(5.149.309.293)
Số dư cuối năm	17.209.171.678	17.615.265.004	20.546.607.242	2.293.661.757	6.620.293.214	64.284.998.895
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số dư đầu năm	7.763.097.094	20.370.669.989	11.368.131.954	641.130.692	2.596.492.996	42.739.522.725
Khấu hao trong năm	1.006.053.310	189.214.522	1.400.953.158	317.733.342	430.584.135	3.344.538.467
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.042.282.357)	(353.349.963)	-	(27.042.047)	(4.422.674.367)
Số dư cuối năm	8.769.150.404	16.517.602.154	12.415.735.149	958.864.034	3.000.035.084	41.661.386.825
Giá trị còn lại:						
Tại ngày đầu năm	9.446.074.584	1.198.439.348	8.217.848.015	1.317.781.465	4.059.265.178	24.239.408.590
Tại ngày cuối năm	8.440.021.274	1.097.662.850	8.130.872.093	1.334.797.723	3.620.258.130	22.623.612.070

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 5.820.134.332 đồng – Xem thêm mục 5.13.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 28.552.413.458 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình nhà máy ngói tạm thời không được sử dụng và đang chờ thanh lý là 551.931.769 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công trình mỏ đá Tân Cang	21.854.257.153	10.714.448.014
Công trình mỏ đá Thiện Tân	1.659.319.270	1.659.319.270
Công trình trạm bê tông Hồ Nai	2.700.000	-
Tổng cộng	<u>23.516.276.423</u>	<u>12.373.767.284</u>

Thông tin về công trình mỏ đá Tân Cang:

Địa điểm thực hiện: xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với tổng diện tích là 25ha.

Mục đích: khai thác đá

Giá trị thực hiện đến 31/12/2015 bao gồm:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí đền bù, chuyển nhượng đất	20.054.226.000	2.471.390.000
Chi phí bồi thường khác	632.083.764	632.083.764
Chi phí bốc tăng phủ	-	3.237.124.467
Chi phí quản lý	-	3.205.902.394
Chi phí xây dựng, mua sắm tài sản cố định và công cụ dụng cụ	1.167.947.389	1.167.947.389
Tổng cộng	<u>21.854.257.153</u>	<u>10.714.448.014</u>

Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 11/2013/HĐTC ngày 15/03/2013 với Ngân hàng thì quyền khai thác tài nguyên mỏ Tân Cang đã được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn và dài hạn với giá trị định giá là 90 tỷ đồng – Xem thêm mục 5.13 .

Thông tin về công trình mỏ đá Thiện Tân:

Địa điểm thực hiện: huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai với tổng diện tích là 27,7ha.

Mục đích: khai thác đá

Giá trị thực hiện đến 31/12/2015 bao gồm:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí thi công thăm dò trữ lượng đá	1.659.319.270	1.659.319.270

5.9. Chi phí lãi vay được vốn hóa

Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay với số tiền 771.725.905 đồng. Đây là chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để sử dụng cho việc xây dựng và phát triển mỏ đá Tân Cang. Chi phí lãi vay được vốn hóa trong năm không vượt quá tổng chi phí lãi vay phát sinh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Là các khoản đầu tư vào các đơn vị sau:

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai (BOT Cầu Đồng Nai)	180.000	1.800.000.000	180.000	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	42.024	1.050.600.000	42.024	1.050.600.000
Nền nhà tại Khu Thiên Hà	-	1.308.580.000	-	1.308.580.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và Kinh Doanh Bất động sản	10.000	240.000.000	10.000	240.000.000
Tổng cộng		<u>5.399.180.000</u>		<u>5.399.180.000</u>

5.11. Chi phí trả trước dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn của xí nghiệp đá Tân Cang	45.524.757.062	42.465.528.350
Chi phí trả trước dài hạn của xí nghiệp đá Thiên Tân	13.119.316.707	11.113.512.100
Chi phí trả trước dài hạn của xí nghiệp Gạch Tuynel	279.016.177	111.855.055
Khác	94.532.912	523.348.835
Tổng cộng	<u>59.017.622.858</u>	<u>54.214.244.340</u>

Chi phí trả trước dài hạn của xí nghiệp đá Tân Cang chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí đền bù, chuyển nhượng đất	23.254.390.952	25.573.814.425
Chi phí bốc tâng phũ	10.231.078.850	9.724.165.266
Chi phí khảo sát, thiết kế	2.449.556.478	2.518.037.530
Quyền khai thác khoáng sản	713.136.158	-
Chi phí khác	8.876.594.625	4.649.511.129
Tổng cộng	<u>45.524.757.063</u>	<u>42.465.528.350</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Chi phí trả trước dài hạn của xí nghiệp đá Thiên Tân chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi tiền đền bù, chuyển nhượng đất	7.105.137.684	7.192.211.286
Chi phí bốc tăng phủ	1.770.970.801	1.059.459.502
Chi phí khảo sát, thiết kế	1.252.562.493	1.322.256.208
Quyền khai thác khoáng sản	639.321.528	-
Chi phí khác	2.351.324.201	1.539.585.104
Tổng cộng	<u>13.119.316.707</u>	<u>11.113.512.100</u>

5.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Văn phòng Công ty:			-	-
Công ty chế tạo TB Phát điện đồng bộ Ganfa Trung Quốc	1.180.803.730	1.180.803.730	1.180.803.730	1.180.803.730
Công ty TNHH XD Hoàng Nguyễn	501.925.152	501.925.152	501.925.152	501.925.152
Phải trả cho các đối tượng khác	1.736.511.790	1.736.511.790	4.948.492.309	4.948.492.309
Nhà máy Gạch và Ngói:				
DNTN Hùng Vũ	869.404.251	869.404.251	1.080.358.351	1.080.358.351
DNTN Tâm Nhật Phát	339.422.500	339.422.500	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	772.497.130	772.497.130	1.054.910.338	1.054.910.338
Xí nghiệp Bê tông:				
Công ty CP Nghĩa Thành Viễn Đông	10.494.537.900	10.494.537.900	3.384.268.750	3.384.268.750
DNTN Hiếu Phụng	1.684.904.217	1.684.904.217	1.257.801.601	1.257.801.601
Công ty CP Thương Mại Phương Nam	1.151.494.600	1.151.494.600	-	-
Cty TNHH Thế Giới Bê Tông	778.740.880	778.740.880	72.852.900	72.852.900
Phải trả cho các đối tượng khác	728.934.398	728.934.398	8.460.294.865	8.460.294.865
Cộng	<u>20.239.176.548</u>	<u>20.239.176.548</u>	<u>21.941.707.996</u>	<u>21.941.707.996</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.13. Vay và nợ thuê tài chính

Là các khoản vay ngân hàng với lãi suất từ 8% - 9%/năm đối với VND và được thế chấp bằng mô tô Tân Cang, xe và máy móc thiết bị - Xem thêm mục 5.7 và 5.8. Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Đầu năm		Trong kỳ		Cuối kỳ		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn:							
Vay ngân hàng	1.076.971.374	1.076.971.374	2.214.087.425	3.291.058.799	-	-	
Vay dài hạn đến hạn trả	3.107.500.000	3.107.500.000	5.450.000.000	3.107.500.000	5.450.000.000	5.450.000.000	
Vay dài hạn: (Chi tiết theo kỳ hạn)							
Vay ngân hàng	13.694.184.000	13.694.184.000	5.284.399.960	3.107.500.000	15.871.083.960	15.871.083.960	
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả	(3.107.500.000)	(3.107.500.000)	(5.450.000.000)	(3.107.500.000)	(5.450.000.000)	(5.450.000.000)	
Cộng	14.771.155.374	14.771.155.374	7.498.487.385	6.398.558.799	15.871.083.960	15.871.083.960	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

				VND
	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	88.245.151	21.209.208.249	21.297.453.400	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	286.563.119	992.134.173	1.286.563.119	-
Thuế thu nhập cá nhân	13.479.225	132.049.621	122.171.233	23.357.613
Thuế tài nguyên	393.030.468	4.230.397.008	4.444.612.979	178.814.497
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	20.986.125	1.285.779.922	1.338.638.842	-
Thuế bảo vệ môi trường và thuế khác	-	3.016.701.578	3.016.701.578	-
Các khoản phí, lệ phí	156.488.880	1.597.229.892	1.681.422.932	72.295.840
Cộng	<u>958.792.968</u>	<u>32.463.500.443</u>	<u>33.187.564.083</u>	<u>274.467.950</u>
Phải thu:				
	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã căn trừ/ thực nộp	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	15.669.176.781	15.665.718.161	3.458.620
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	992.134.173	1.286.563.119	7.865.827
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.285.779.922	1.338.638.842	31.872.795
Cộng	<u>-</u>	<u>18.294.378.742</u>	<u>17.943.632.256</u>	<u>43.197.242</u>

5.15. Phải trả khác

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn:		
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	165.456.285	160.296.894
Phải trả tiền đền bù đất cho Công ty TNHH Hữu Trọng	11.943.995.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	249.900.000	349.900.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	899.116.692	852.208.542
Các khoản phải trả, phải nộp khác	125.960.001	100.130.001
Cộng	<u>13.384.427.978</u>	<u>1.462.535.437</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.16. Vốn chủ sở hữu**5.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	VND			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	88.340.000.000	17.355.614.392	1.596.903.639	107.292.518.031
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	2.450.747.100	2.450.747.100
Chia cổ tức	-	-	(1.325.100.000)	(1.325.100.000)
Trích lập quỹ	-	50.225.985	(133.373.073)	(83.147.088)
Sử dụng quỹ	-	(3.146.835.531)	-	(3.146.835.531)
Số dư đầu năm nay	88.340.000.000	14.259.004.846	2.589.177.666	105.188.182.512
Lợi nhuận trong năm	-	-	3.884.576.112	3.884.576.112
Chia cổ tức	-	-	(2.208.500.000)	(2.208.500.000)
Trích lập quỹ	-	122.537.355	(367.612.065)	(245.074.710)
Số dư cuối năm nay	88.340.000.000	14.381.542.201	3.897.641.713	106.619.183.914

5.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp	46.193.400.000	46.193.400.000
Công ty Chứng Khoán Đại Việt	10.000.000.000	10.000.000.000
Cổ đông khác	32.146.600.000	32.146.600.000
Cộng	88.340.000.000	88.340.000.000

5.16.3. Cổ phiếu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.834.000	8.834.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	8.834.000	8.834.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.834.000	8.834.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.16.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phần

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.884.576.112	2.450.747.100
Trừ phần trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	<u>(388.457.611)</u>	<u>(245.074.710)</u>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty	3.496.118.501	2.205.672.390
Số lượng cổ phần đang lưu hành	8.834.000	8.834.000
Cộng	<u>396</u>	<u>250</u>

5.16.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển
Số dư đầu năm	14.259.004.846
Trích trong năm	122.537.355
Chi trong năm	-
Số dư cuối năm	<u>14.381.542.201</u>

5.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
USD	220,52	220,34
EUR	350,08	349,72

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý:	345.457.956	345.457.956

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

		VND
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu:		
Doanh thu bán hàng	202.729.848.011	132.090.953.517
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	475.636.364
Doanh thu khác	4.064.326.171	2.928.720.483
Hàng bán bị trả lại	-	(297.024.293)
Cộng	<u>206.794.174.182</u>	<u>135.198.286.071</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu đối với các bên có liên quan – Xem thêm mục 7		
Công ty CP Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Số 1	14.095.505.000	1.026.804.545
Công ty CP Sonadezi An Bình	9.254.545	460.290.909
Cộng	<u>14.104.759.545</u>	<u>1.487.095.454</u>
6.2. Giá vốn hàng bán		
		VND
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	182.782.774.572	121.273.562.178
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	294.180.963
Giá vốn xây lắp công trình	-	-
Giá vốn khác	3.649.541.928	1.561.774.217
Cộng	<u>186.432.316.500</u>	<u>123.129.517.358</u>
6.3. Chi phí bán hàng		
		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	-	14.251.115
Chi phí bốc xếp	243.140.110	258.721.750
Chi phí hoa hồng	639.224.901	416.163.557
Chi phí vận chuyển	849.163.400	1.339.960.600
Chi phí khác	619.833.214	404.086.821
Cộng	<u>2.351.361.625</u>	<u>2.433.183.843</u>
6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.795.404.153	1.961.568.844
Chi phí vật liệu quản lý	354.563.075	403.202.937
Chi phí đồ dùng văn phòng	80.061.609	77.615.774
Chi phí khấu hao TSCĐ	372.238.352	296.269.958
Thuế, phí và lệ phí	182.728.506	764.439.576
Chi phí dự phòng	6.398.004.188	2.191.925.939
Chi phí dịch vụ mua ngoài	160.056.996	227.503.771
Chi phí bằng tiền khác	1.479.750.390	787.903.828
Cộng	<u>12.822.807.269</u>	<u>6.710.430.627</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

6.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	115.621.491.846	73.671.993.396
Chi phí nhân công	18.183.306.774	11.816.779.108
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.991.188.504	2.424.795.459
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.398.004.188	30.378.064.309
Chi phí khác bằng tiền	4.336.701.944	5.591.385.139
Chi phí dự phòng	53.466.600.904	2.191.925.939
Cộng	<u>200.997.294.160</u>	<u>126.074.943.350</u>

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	992.134.173	634.056.876

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	4.876.710.285	3.084.803.976
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	19.000.000	27.849.935
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(386.009.500)</u>	<u>(230.577.200)</u>
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	4.509.700.785	2.882.076.711
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<u>992.134.173</u>	<u>634.056.876</u>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Sonadezi	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty con cùng tập đoàn
3. Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Công ty con cùng tập đoàn
4. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Công ty con cùng tập đoàn
5. Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty con cùng tập đoàn
6. Công ty CP Xây dựng Dân dụng Công nghiệp số 1	Công ty liên kết với Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

		VND
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu – Xem thêm mục 5.2		
Công ty CP Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Số 1	1.851.181.501	677.585.001
Công ty CP Sonadezi An Bình	-	282.760.000
Cộng	<u>1.851.181.501</u>	<u>960.345.001</u>

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ như sau:

		VND
	Kỳ này	Kỳ trước
Bán hàng		
Công ty CP Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Số 1	14.095.505.000	1.026.804.545
Công ty CP Sonadezi An Bình	9.254.545	460.290.909
Cộng	<u>14.104.759.545</u>	<u>1.487.095.454</u>

Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được chi tiết như sau:

		VND
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	90.000.000	90.000.000
Thu nhập Tổng Giám đốc	261.783.077	218.039.295
Cộng	<u>351.783.077</u>	<u>308.039.295</u>

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:
 - + Rủi ro lãi suất
 - + Rủi ro tiền tệ
 - + Rủi ro về giá các khoản đầu tư chứng khoán vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	VND	
	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.434.948.803	6.518.667.645
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.022.866.928	35.825.111.444
Tài sản tài chính khác	3.335.599.667	3.187.345.971
Đầu tư tài chính khác	5.399.180.000	5.399.180.000
Tổng cộng	<u>52.192.595.398</u>	<u>50.930.305.060</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	15.871.083.960	14.771.155.374
Phải trả người bán và phải trả khác	33.458.148.241	22.391.737.997
Chi phí phải trả	122.074.700	461.376.179
Tổng cộng	<u>49.451.306.901</u>	<u>37.624.269.550</u>

Rủi ro tín dụng

Công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Công ty đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây.

	VND	
	2015	2014
Tiền và tương đương tiền	13.434.948.803	6.518.667.645
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.022.866.928	35.825.111.444
Cộng	<u>43.457.817.746</u>	<u>42.343.779.089</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Công ty không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu. Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp. Thuyết minh 5.6 cung cấp những phân tích về phòng phải thu khó đòi.

Các tài sản sẵn sàng để bán là các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn và do đó không có những rủi ro về tín dụng.

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng.

	Vay và nợ	Nợ phải trả	Chi phí phải trả	VND Cộng
Dưới 01 năm	5.450.000.000	33.458.148.241	122.074.700	39.030.222.941
Từ 1 – 3 năm	9.781.083.960	-	-	9.781.083.960
Từ 3 – 5 năm	640.000.000	-	-	640.000.000
Số dư ngày 31/12/2015	15.871.083.960	33.458.148.241	122.074.700	49.451.306.901

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 18 tháng 01 năm 2016.

Biên Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TÚ LOAN

TRẦN THỊ QUY

NGUYỄN HỮU THỰC